

Số: 308 /TB-TTYT

Phước Long, ngày 07 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Phước Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc Dự án mua sắm **Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và xe tải chở rác thải y tế cho Trung tâm Y tế khu vực Phước Long** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Phước Long

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế Khu vực Phước Long, tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 0291.3864.561; 0913555961 (Ds Hưng trong giờ hành chính).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế Khu vực Phước Long (bản gốc).

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: dsthaihung@gmail.com. (Bảng scan và file excel).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 23 tháng 11 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế và hạng mục thực hiện theo bảng sau:

STT	Tên Thiết bị y tế, hạng mục	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Mô tả yêu cầu về tính năng và tính chất
1	Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	01	Hệ thống		Theo phụ lục đính kèm
2	Nhà bao che lò đốt rác	01	Cái		Theo phụ lục đính kèm
3	Xe tải vận chuyển chất thải y tế	01	Xe		Theo phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long;

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

3. Các thông tin khác: Đơn vị cung cấp báo giá phải gửi cấu hình, tính năng kỹ thuật kèm catalogue và các chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng theo qui định hiện hành.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website TTYT KV;
- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
Y TẾ
KHU VỰC
PHƯỚC LONG
Đoàn Hồng Quân

Phụ lục:



Phụ lục:

Kèm theo Thông báo Yêu cầu báo giá số: 308 /TB-TTYT ngày 07/11/2025)

A. Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

1.1 Thông tin chung:

- Hệ thống thiết bị mới 100%, nguyên đai nguyên kiện.
- Thiết bị được sản xuất năm 2025 trở về sau.
- Tiêu chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT, cột B.
- Nguồn điện: Trong khoảng 100-240V hoặc 300-400V (ba pha), 50Hz/60Hz
- Môi trường hoạt động:
 - Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
 - Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$

1.2 Cấu hình cung cấp:

- Buồng đốt sơ cấp: 01 cái.
- Buồng đốt thứ cấp: 01 cái.
- Các buồng xử lý khí thải: 01 bộ
- Cửa nạp rác tự động: 01 bộ.
- Cụm ống khói: 01 bộ.
- Thu lôi, cáp giăng: 01 bộ.
- Hệ thống phun sương: 01 bộ.
- Thiết bị đo và điều khiển nhiệt độ tự động: 01 bộ.
- Tủ điện điều khiển trung tâm: 01 bộ.
- Lấy mẫu, đo kiểm tra môi trường khí thải cho đến khi đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT, cột B hoặc cao hơn:
- Hướng dẫn sử dụng: 1 Bộ
- Hướng dẫn bảo trì, sửa chữa: 01 Bộ

1.3 Thông số kỹ thuật:

a. Thông số kỹ thuật chính của Lò đốt chất thải rắn y tế ≥ 100 kg/h

CÁC THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA LÒ ĐỐT RÁC THẢI RẮN Y TẾ		
Stt	Nội dung yêu cầu	Giá trị
1	Công suất đốt	≥ 100 kg/h
2	Nhiệt độ buồng sơ cấp	$\geq 650^{\circ}\text{C}$
3	Nhiệt độ buồng thứ cấp	$\geq 1.050^{\circ}\text{C}$
4	Thời gian lưu cháy trong buồng đốt thứ cấp	$\geq 2\text{s}$
5	Tiêu hao nhiên liệu dầu DO	≤ 0.3 lít/kg rác
6	Nguồn điện	220V, 50Hz
7	Công suất quạt gió	$\geq 4 \times 0,375$ kW/h
8	Công suất điện tiêu thụ	$\leq 2,5$ Kw/h
9	Thời gian lưu khí cháy trong vùng phản ứng	$\leq 2\text{s}$
10	Chiều cao ống khói	$>20,5\text{m}$
11	Lỗ lấy mẫu khí thải	$\geq \Phi 90$, cao độ 8,5m
12	Nhiệt độ bên ngoài vỏ lò	$\leq 60^{\circ}\text{C}$

13	Nhiệt độ khí thải ra môi trường	$\leq 180^{\circ}\text{C}$
14	Phương thức vận hành	Nạp rác liên tục
15	Tiêu chuẩn khí thải đạt	QCVN 02:2012/BTNMT
16	Tuổi thọ	≥ 15 năm

b. Giá trị các thông số ô nhiễm trong khí thải

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 115
2	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	≤ 50
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	≤ 200
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300
5	Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	$\leq 0,5$
7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm ³	$\leq 0,16$
8	Chì và các hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	$\leq 1,2$
9	Tổng dioxin/furan, PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm ³	$\leq 2,3$

1.4. Yêu cầu khác:

- Thiết bị được bảo hành ≥ 24 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.
- Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/ lần.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản hệ thống máy, cảnh báo sự cố ... và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại đơn vị lắp đặt.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh, hướng dẫn sửa chữa tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh.
- Nhà thầu cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 10 năm sau thời gian bảo hành.
- Có bảng chào giá bảo trì và một số phụ tùng bảo trì, sửa chữa sau thời gian bảo hành.
- Khi máy có sự cố, đội ngũ kỹ thuật phải có mặt trong vòng 48 giờ để khắc phục sự cố.

B. Nhà bao che lò đốt rác:

1	- Nhà bao che diện tích $\geq 8\text{m} \times 16\text{m}$. Chiều cao nhà bao che $\geq 6,450$ m tính từ mặt sân hoàn thiện		
---	--	--	--

2	- Cọc bê tông cốt thép đá 1x2, tiết diện 200x200cm, Mác 250, chiều dài 01 tim cọc là 24m, sức chịu tải cọc là $Q_a = 15$ tấn, lực ép cho phép $P_{max} = 30$ tấn hoặc tốt hơn		
3	- Móng cọc: Bê tông cốt thép đá 1x2, Mác 250; bê tông lót móng đá 40x60, Mác 100, dày 100mm hoặc tốt hơn		
4	- Móng băng: Bê tông cốt thép đá 1x2, Mác 250; bê tông lót móng đá 40x60, Mác 100, dày 100mm hoặc tốt hơn		
5	- Nền Bê tông cốt thép đá 10x20 dày 14cm, Mác 250, cốt thép: $\Phi 10$ a130, lớp cao su lót chống mất nước bê tông, nền cát san lấp đầm chặt hoặc tốt hơn		
6	- Tường bó nền xây gạch thẻ đất nung 4x8x18cm, dày 20cm, trát vữa M75, dày 1,5cm hoặc tốt hơn		
7	- Cột bằng thép hộp tráng kẽm $\geq 75 \times 75 \times 1,8$ mm, cao $\geq 5,05$ m. Tường bao che xây gạch ống đất nung $\geq 8 \times 8 \times 18$ cm, dày ≥ 10 cm, cao $\geq 1,2$ m, trát vữa $\geq$ M75, dày $\geq 1,5$ cm, bả matic, sơn 01 nước lót, 02 nước phủ hoặc tốt hơn. Vách bao che bằng tôn sóng vuông dày $\geq 0,4$ mm, khung bằng thép hộp mạ kẽm v 40x80x1,4mm. Vỉ kèo, xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm v40x80x1,4mm. Mái lợp tôn sóng vuông dày v0,45mm		

C. Xe tải chở rác thải y tế:

1.1. Thông tin chung:

- Thiết bị được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%

1.2. Cấu hình cung cấp:

- Xe ô tô tải thùng kín: 01 Chiếc
- Bình bọt chữa cháy: 02 Bình
- Xăng: 01 Cái.
- Hộp sơ cứu vết thương: 01 Hộp.
- Bộ găng tay công nghiệp: 02 Bộ
- Ủng công nghiệp: 02 Đôi.
- Tạp dề công nghiệp: 02 Cái
- Quần áo bảo hộ: 02 Bộ.
- Hệ thống GPS: 01 Bộ.
- Vật liệu thấm hút (cát khô hoặc mùn cưa) và dụng cụ cần thiết để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng: 01 Bộ.
- Bình chứa dung dịch soda gia dụng: 01 Bình.
- Hướng dẫn quy trình bảo trì, bảo dưỡng: 01 Bộ
- Hướng dẫn sử dụng: 01 Bộ

1.3 Thông số kỹ thuật:

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị
1	Trọng Tải:	≥ 1200 kg
2	Tổng trọng tải:	≥ 3500 kg
3	Kích thước tổng thể:	$\geq 5300 \times 1800 \times 2620$ mm (dài x rộng x cao)

4	Kích thước thùng:	$\geq 3050 \times 1590 \times 1650$ mm
5	Dung tích xy lanh:	≥ 2497 cm ³
6	Hộp số:	Cơ khí, (6tiền + 1lùi) hoặc tương đương
7	Hệ thống phanh:	Trước: phanh đĩa, Sau: phanh tang trống hoặc tương đương
8	Lốp xe:	Trước: 195/70R15 Sau: 145R13 hoặc tương đương
9	Kiểu ca bin:	Cabin lật
10	Hệ thống trợ lực:	Có
11	Tiêu chuẩn khí thải:	Euro 5 hoặc cao hơn
12	Màu xe:	Trắng, Xanh dương hoặc đa dạng hơn
13	Phụ kiện kèm theo:	Lốp dự phòng, Sổ bảo hành, Đồ nghề sửa xe

Quy cách thùng

1	Thùng dài ≥ 3.05 m.
2	Thùng kín inox được đóng theo tiêu chuẩn 3 lớp chắc chắn với lớp ngoài cùng sử dụng inox 430, 1 lớp xốp cách nhiệt ở giữa và lớp lót bên trong bằng tôn hoặc inox.
3	Kích thước thùng: $\geq 3050 \times 1590 \times 1650$ mm
4	Vách ngoài: Inox 430 dập sóng.
5	Tôn sàn phẳng thép CT3 hoặc tương đương $d \geq 2,5$ mm.
6	Xe phải được trang bị dấu hiệu cảnh báo lắp linh hoạt, có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” với chiều cao chữ ít nhất 15cm kèm theo tên đơn vị sử dụng, địa chỉ, số điện thoại. Vật liệu và mực của dấu hiệu, các dòng chữ rõ nét.

1.4. Yêu cầu khác:

	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.
	Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: ≤ 06 tháng/ lần.
	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản hệ thống máy, cảnh báo sự cố ... và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại đơn vị lắp đặt.
	Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, hướng dẫn sửa chữa tiếng Việt.
	Nhà thầu cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 08 năm sau thời gian bảo hành.
	Có bảng chào giá bảo trì và một số phụ tùng bảo trì, sửa chữa sau thời gian bảo hành.
	Khi máy có sự cố, đội ngũ kỹ thuật phải có mặt trong vòng 48 giờ để khắc phục sự cố.